

Bản án số: 01/2025/KDTM-PT

Ngày 22-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thương.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Chí Công; bà Trần Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số: 10/2024/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 15/2024/KDTM-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 152/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; địa chỉ: Số A đường T, quận H, thành phố Hà Nội. Do ông Nguyễn Xuân K, là Tổ phó Tổ xử lý nợ có vấn đề Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh G1, làm đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị Hương G; cùng địa chỉ: Số A đường T, tổ B, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị Hương G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 28-3-2023, ông Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị Hương G có vay Ngân hàng TMCP N (sau đây viết tắt là Ngân hàng N) thông qua Ngân hàng N Chi nhánh G1 số tiền 2,2 tỷ đồng theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số: 488/23/CT/NHNT, thời gian vay: 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nợ, ngày nhận nợ: 29-3-2023, ngày trả nợ gốc 28-02-2024; lãi suất cho vay có điều chỉnh: Lãi suất cho vay cố định, được xác định và được ghi trên từng giấy nợ tại ngày giải ngân vốn vay theo lãi suất thông báo

của Ngân hàng trong từng thời kỳ; lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn; mục đích vay vốn: Mua bán đồ trang trí nội thất. Để đảm bảo cho khoản vay, ông H và bà G đã thế chấp tài sản là nhà và đất theo tờ bản đồ số 38, thửa đất số 17 tại tổ B, phường H, thành phố P và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 784860 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 07-9-2020, theo Hợp đồng thế chấp số: 01/10A/NHNT ngày 01-10-2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà G đã vi phạm thời hạn trả nợ lãi và gốc, Ngân hàng đã thông báo nợ quá hạn nhưng ông H, bà G không thanh toán. Do đó, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông H và bà G phải trả số tiền nợ gốc 2,2 tỷ đồng và tiền lãi suất theo thỏa thuận.

Ngoài ra, ngày 15-6-2022, bà Trần Thị Hương G đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng số: 029TPCN.22.20715272. Do bà G vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G phải trả số tiền còn nợ thẻ tín dụng là 49.524.918 đồng và tiền lãi suất.

Bị đơn ông Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị Hương G trình bày: Ông H và bà G xác nhận có vay tiền của Ngân hàng TMCP N thông qua Chi nhánh G1 số tiền gốc 2,2 tỷ đồng và lãi suất. Lý do vi phạm nghĩa vụ trả nợ là do khó khăn về tài chính và gặp sự cố không mong muốn nên không chuẩn bị đủ nguồn tiền cần thiết để trả hoàn tất số tiền đã vay trước khi xem xét cho vay mới, mặc dù hợp đồng tín dụng mới được ký kết vào ngày 18-3-2024. Do đó, ông H và bà G đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án đảm bảo quyền, lợi ích của các bên.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 15/2024/KDTM-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku đã tuyên:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều: 144, 147, 155, 157, 227, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Áp dụng các Điều: 299, 317, 320, 323, 357 của Bộ luật dân sự; các Điều: 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N. Buộc ông Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị Hương G phải trả cho Ngân hàng N tính đến ngày 12-8-2024 số tiền gốc và lãi suất là: 2.361.297.369 đồng (tiền gốc 2.200.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 21.282.739 đồng, tiền lãi quá hạn 140.014.630 đồng. Buộc bà Trần Thị Hương G phải trả cho Ngân hàng N tính đến ngày 12-8-2024 số tiền nợ gốc và lãi suất là 56.602.587 đồng (tiền gốc 49.524.918 đồng và tiền lãi trong hạn 4.714.130 đồng, tiền lãi quá hạn 2.163.539 đồng, tiền phí 200.000 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thanh toán, xử lý tài sản thế chấp, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về kháng cáo: Ngày 13-9-2024, bị đơn ông Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị Hương G có đơn kháng cáo đề nghị xem xét bản án cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng vì trong trường hợp cấp sơ thẩm xét xử phía bị đơn có “đơn đề nghị vắng mặt” căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự phải hoãn phiên tòa lần 1 vì lý do vắng mặt các đương sự. Nguyên đơn không kháng cáo; Viện Kiểm sát không kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có kháng cáo nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ông Trịnh Ngọc H, bà Trần Thị Hương G có đơn kháng cáo và đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng họ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Trịnh Văn H1 và bà Trần Thị Hương G đề nghị xem xét Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng, vì đã xét xử khi có “đơn đề nghị vắng mặt” thì phải căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự hoãn phiên tòa xét xử lần 1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-DS ngày 12-7-2024, Tòa án cấp sơ thẩm ấn định thời gian mở phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 12-8-2024. Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm ngày 12-8-2024 thì bị đơn ông Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị Hương G có “*Đơn xin vắng mặt*” gửi qua dịch vụ bưu chính. Như vậy, ông Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị Hương G đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng họ đã có “*đơn xin vắng mặt*” mà không có đơn đề nghị hoãn phiên tòa hoặc đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho vắng mặt và tiến hành xét xử vụ án là đảm bảo quyền lợi của ông H và bà G được quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt Bản án sơ thẩm cho ông H, bà G trong thời hạn luật định, nhưng ông H và bà G chỉ làm đơn kháng cáo về nội dung xét xử vắng mặt không đúng mà họ không cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất, nội dung của vụ án nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt đó không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị Hương G.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là ông Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị Hương G phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị Hương G.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 15/2024/KDTM-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai .

2. Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Buộc ông Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị Hương G phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm và được khấu trừ toàn bộ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 000477 ngày 02-10-2024 và số tiền 1.700.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0000781 ngày 18-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Ông H và bà G đã nộp đủ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THA dân sự thành phố Pleiku;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thương

ÒA